

Bài 2

DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

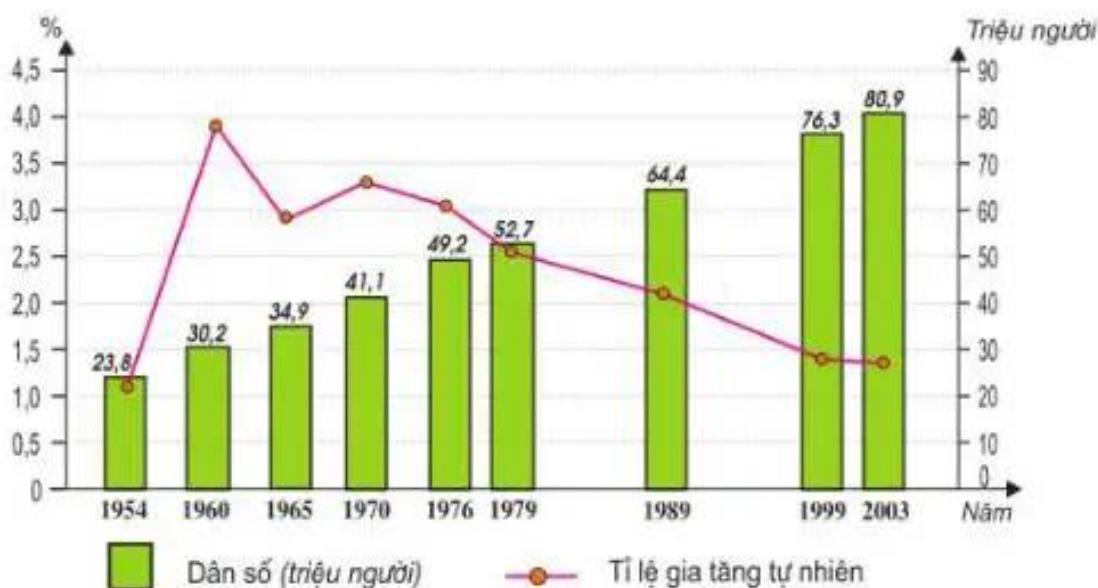
Việt Nam là nước đông dân, có cơ cấu dân số trẻ. Nhờ thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi.

I. SỐ DÂN

Năm 2002, số dân nước ta là 79,7 triệu người. Về diện tích, lãnh thổ nước ta đứng thứ 58 trên thế giới, còn về số dân nước ta đứng thứ 14 trên thế giới.

II. GIA TĂNG DÂN SỐ

Quan sát hình 2.1, nếu nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh?



Hình 2.1. Biểu đồ biến đổi dân số của nước ta

Hiện tượng “bung nổ dân số” ở nước ta bắt đầu từ cuối những năm 50 và chấm dứt vào trong những năm cuối thế kỉ XX.

Hiện nay, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn có ti suất sinh tương đối thấp. Điều đó khẳng định những thành tựu to lớn của công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình ở nước ta. Tuy vậy, mỗi năm dân số nước ta vẫn tăng thêm khoảng một triệu người.

Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì?

Nêu những lợi ích của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta.

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số còn có sự khác nhau giữa các vùng. Ở thành thị và các khu công nghiệp, tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số thấp hơn nhiều so với ở nông thôn, miền núi.

Bảng 2.1. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng, năm 1999 (%)

Các vùng	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số
Cả nước	1,43
- Thành thị	1,12
- Nông thôn	1,52
- Trung du và miền núi Bắc Bộ	
+ Tây Bắc	2,19
+ Đông Bắc	1,30
- Đồng bằng sông Hồng	1,11
- Bắc Trung Bộ	1,47
- Duyên hải Nam Trung Bộ	1,46
- Tây Nguyên	2,11
- Đông Nam Bộ	1,37
- Đồng bằng sông Cửu Long	1,39

Dựa vào bảng 2.1, hãy xác định các vùng có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất, thấp nhất; các vùng lanh thổ có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao hơn trung bình cả nước.

III. CƠ CẤU DÂN SỐ

Do tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao trong một thời gian dài nên nước ta có cơ cấu dân số trẻ.

Bảng 2.2. Cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi ở Việt Nam (%)

Nhóm tuổi	Năm 1979		Năm 1989		Năm 1999	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
0 - 14	21,8	20,7	20,1	18,9	17,4	16,1
15 - 59	23,8	26,6	25,6	28,2	28,4	30,0
60 trở lên	2,9	4,2	3,0	4,2	3,4	4,7
Tổng số	48,5	51,5	48,7	51,3	49,2	50,8

Dựa vào bảng 2.2, hãy nhận xét :

- Tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ thời kì 1979 – 1999.
- Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta thời kì 1979 – 1999.

Dân số ở nhóm tuổi 0 – 14 chiếm tỉ lệ cao đặt ra những vấn đề cấp bách về văn hoá, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm cho số công dân tương lai này.

Ở nước ta, tỉ số giới tính (số nam so với 100 nữ) của dân số đang thay đổi. Tác động của chiến tranh kéo dài làm cho tỉ số giới tính mất cân đối (năm 1979 là 94,2). Cuộc sống hòa bình đang kéo tỉ số giới tính tiến tới cân bằng hơn (từ 94,9 năm 1989 lên 96,9 năm 1999).

Tỉ số giới tính ở một địa phương còn chịu ảnh hưởng mạnh bởi hiện tượng chuyển cư. Tỉ số này thường thấp ở nơi có các luồng xuất cư và cao ở nơi có các luồng nhập cư. Tỉ số giới tính thấp nhất là ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, nơi liên tục nhiều năm có các luồng di dân nông nghiệp tới các địa phương Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Một số tỉnh thuộc Tây Nguyên và các tỉnh Quảng Ninh, Bình Phước do có tỉ lệ nhập cư cao nên tỉ số giới tính cao rõ rệt.

Việt Nam là một quốc gia đông dân.

Từ cuối những năm 50 của thế kỉ XX, nước ta bắt đầu có hiện tượng “bùng nổ dân số”. Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm.

Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi, tỉ lệ trẻ em giảm xuống, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng lên.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào hình 2.1, hãy cho biết số dân và tình hình gia tăng dân số của nước ta.
2. Phân tích ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta.
3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

Bảng 2.3. Tỉ suất sinh và tỉ suất tử của dân số nước ta, thời kì 1979 – 1999 (%)

Tỉ suất	Năm	1979	1999
Tỉ suất sinh		32,5	19,9
Tỉ suất tử		7,2	5,6

- Tình tỉ lệ (%) gia tăng tự nhiên của dân số qua các năm và nêu nhận xét.
- Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình gia tăng tự nhiên của dân số ở nước ta thời kì 1979 – 1999.